

4

MỘT chiếc Land Rover mui trần đang đậu trên bến tàu trong lúc chiếc ngư lôi định S tiến vào ụ. Tôi có thể trông thấy chiếc đầu sói khổng lồ sao lăm lăm của Anson ở phía trên tay lái. Một gã đàn ông mặc đồng phục xám ngồi bên cạnh ông ta với một khẩu tiểu liên đặt trên đầu gối. Anson bước xuống khỏi xe và đi ra ụ tàu theo một đoạn đường hẹp. Ông ta đưa bàn tay ra cho tôi khi tôi bước lên bèn, và lên tiếng :

— Chào ông Dunbar. Rất vui mừng được gặp lại ông.

Tuy nhiên giọng ông ta chẳng những không vui vẻ một chút nào mà lại còn gượng gạo.

Tôi đáp :

— Chào Ông Anson. Tôi đến để bàn tính với ông về đề nghị của ông. Ông có vẻ không khách lễ khách đến đây thì phải ?

— Không. Ông đến là một điều rất hay. Tuy ông hơi trẻ, nhưng dù sao mình vẫn có thể bàn luận. Ông làm sao mà tìm ra chỗ ở của tôi ?

— Martin Allen đã cho tôi hay, ngay trước khi ông ấy chết.

— Phải. Matushech đã hành sự không được chu đáo. Tôi phải nói chuyện với anh ta về vụ này. Mình nên đi ngay. Trời đã chiều lắm rồi. Ít nhất, tôi cũng có thể mời

ông một bữa cơm tối và một giường ngủ đêm hôm nay. Ông có thể đi xe lên tận lâu đài cùng với Nelson và tôi.

Ông ta quay phắc người lại và bước tới chiếc Land Rover. Tôi liền đi theo ông ta. Gã đàn ông cầm súng rời khỏi ghế trước và ra băng sau, cầm theo hành lý của tôi. Trông y có vẻ cau có trong lúc chặt vật với túi đồ khá nặng của tôi.

Đường bắt đầu lên dốc thật gập ngay khi chúng tôi băng ngang Bragawick. Tôi ngắm những ngôi nhà bé nhỏ trong làng, nhớ lại lời Colin Andrews đã diễn tả về nơi này, Toàn thể đều xây bằng đá bản xứ, với mái lợp rơm. Một bọn người không nhiều lắm, đa số là đàn ông, đang xê dịch giữa những thân cây. Họ là những người thợ. Tất cả, cũng như gã Nelson đang ngồi ở băng sau, đều mặc đồng phục xám. Mỗi người đều mang một dấu hiệu nhỏ có hình chữ «O» trên túi ở ngực bên trái để phân biệt.

Thỉnh thoảng tôi mới trông thấy một người đàn bà, nhưng không phải là hạng đàn bà nội trợ. Họ chỉ giống như những người phụ việc, đầu tóc rối bù, ăn mặc lờ lợt. Phần đông có bộ mặt của dân du mục. Tôi liên tưởng đến một thành phố khai thác mỏ hoặc gỗ xẻ. Đây không phải là một làng có nhựa sống. Trên những con đường chúng tôi chạy xe qua, không hề thấy bóng dáng một đám trẻ con nào nô đùa.

Chúng tôi ra khỏi Bragawick và vẫn tiếp tục lên dốc. Độ dốc lớn đến nỗi chúng tôi vừa đi lên chưa được một cây số tôi đã trông thấy những mái nhà xa tít về phía dưới.

Cảnh tượng tôi chợt trông thấy ở về phía nam của thành phố làm tôi giật mình. Nằm dài trên vùng bình nguyên dưới đó là cả một phi trường, với hai phi đạo dài và một tòa nhà lớn. Ngoài ra, hai bên phi đạo còn có nhiều trại

chứa phi cơ. Tôi nói với Anson trong lúc ông ta vẫn giữ im lặng suốt từ khi chúng tôi rời khỏi bến tàu.

— Thì ra ở đây có cả một phi trường.

— Vâng.

— Có phải chiếc đang ở trên cầu kiểm soát đó là một chiếc DeHavilland Bón-B ?

— Vâng. Ông có cặp mắt tốt thật.

— Còn một chiếc Caravelle ?

— Đó là phi cơ riêng của tôi. Chiếc Bón-B thuộc tổ chức.

— Oui-Die ?

Ông ta nhìn tôi một cách lạ lùng, không nói gì, mắt quay trở lại con đường quanh cọ. Nó không đến nỗi quá nghèo khổ như tôi đã tưởng và chiếc Land Rover giữ nguyên một tốc độ khá đều. Chúng tôi đang hướng về phía bắc đông bắc. Trong lúc chúng tôi lên cao dần, tôi có thể trông thấy mặt biển ở về phía nam và đông nam. Tôi còn thoáng thấy được chiếc *Ailsa*, lúc này đã biến thành một chấm trắng nhỏ xíu bên kia đảo Nossie, đang trực chỉ theo phía đông để trở về Murra.

Tôi nói với Anson :

— Hòn đảo này tuyệt quá. Chắc ông đang làm chủ ở đây ?

— Đâu phải. Có thể tạm gọi là mượn lại.

— Về phía bên tay trái, có một vùng gì trông như một trại thiết giáp vậy ?

Anson mỉm cười lại thành một lần nữa. Ông ta liếc mắt về phía gù đất ông đang ngồi ở đằng sau, nói lảng:

— Ngày hôm nay chắc không thể nào đi viếng cảnh được. Trời sắp tối mất rồi.

Ông ta vói tay bật đèn xe. Tôi có cảm tưởng ông ta đang quyết định một điều gì, trong lúc ông ta nói tiếp :

— Sáng mai tôi sẽ dẫn ông đi xem một vòng trên đảo, nếu ông vẫn còn ở lại đây với chúng tôi.

Tôi ngậm miệng trên suốt đoạn hành trình còn lại, chỉ im lặng nhìn những mép đá lởm chởm gần bờ bề bên phải. Hàng hà sa số chim biển vừa bay vòng quanh vừa kêu la om sòm trên các bờ đá — trong đó có đủ các loài du cầm và hải âu có thể lội nước, lũ hải âu này đang lữ lượt kéo nhau vào đất liền khi màn đêm khởi sự buông xuống. Tôi biết rất có thể có cả loài hải báo xám đặc biệt của miền Đại-tây-dương trong đám núi đá phía dưới những đoạn bờ biển hình răng cưa.

Tôi chợt có một cảm tưởng huyền bí về đảo này. Tôi không sao xua đuổi được ý tưởng hoang liêu của nó ra khỏi tâm trí. Nó đứng yên, hoặc trôi lênh đênh giữa vùng bắc Đại-tây-dương, nằm như một chiếc tàu khổng lồ đi về cõi hư vô, trong một nỗi cô đơn tàn khốc, giữa những ngọn gió lạnh buốt thổi về hướng đông bắc.

Tôi chợt cảm thấy tóc dựng đứng lên ở sau gáy.

Tòa lâu đài đứng sừng sững trên một bờ đá ở mé biển phía đông. Tôi có thể trông thấy nó lúc chúng tôi chạy theo khúc đường vòng cuối cùng. Các khung cửa sổ đã bắt đầu sáng ánh đèn. Trên các bức tường hoa phủ chung quanh, đèn được thắp sáng choang, theo tôi đoán có lẽ không vì muốn cho đẹp mà vì muốn bảo đảm an ninh. Tôi có thể trông thấy nhiều khẩu tiểu liên gắn sẵn sẵn vào giá trong chòi gác chính phía trên cao. Tuy nhiên tôi không thể quả quyết có người đang kèm giữ hay không. Những bức tường đá màu xám đã khiến cho cảm tưởng của tôi về hòn đảo càng thêm vững chắc. Trông nó không khác chiếc cầu phao đang bay bổng lên cao của một con tàu, và con tàu này chính là hòn đảo.

Anson bảo :

— Lâu đài Kinnoul.

Quẹo khỏi đường cái, ông ta lái xe chừng năm sáu chục thước theo một đoạn đường vòng rải sỏi, chạy vào một khuôn sân nhỏ có những bức tường thấp bằng đá bọc quanh. Tôi nghĩ những bức tường này có thể thay thế cho hào hố. Trông nó giống như đất đá lở xuống và các lực lượng vũ trang khó lòng bò lên nổi. Chúng tôi dừng lại ở trong sân.

Anson nói :

— Donald sẽ mang hành lý giúp ông và chỉ phòng cho ông. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đại sảnh để uống cocktail vào lúc bảy giờ. Bữa ăn tối sẽ bắt đầu đúng tám giờ. Ông khỏi cần mặc đồ lớn. Tôi thường ăn tối một mình, không dùng chung với các cấp chỉ huy thuộc ban khoa học hiện sống trong lâu đài. Chúng ta sẽ cùng uống cocktail với họ.

Ông ta quay nhanh người và biến vào trong một khung cửa hẹp tối đen, để Donald tiếp tục đi với tôi. Khi chúng tôi bước vào bên trong một hành lang nhỏ xíu tôi ngạc nhiên trông thấy nó chỉ đưa tới một cái thang máy. Chúng tôi phải đứng chờ. Anson đã đi lên một mình.

Rồi mãi đến lúc trông thấy những phần còn sót lại của một cầu thang cũ, bằng đá đã được thay thế bằng cái thang máy, tôi mới hiểu ngõ vào này như thế nào. Đây là lối duy nhất để đi vào tòa lâu đài, hoặc đi trở ra. Xưa kia, khoảng trống chật hẹp này vốn là chân cầu thang bằng đá. Một chiến sĩ muốn vào đây phải vừa bước lên cầu thang vừa chiến đấu, mang theo cả khiên lẫn kiếm, khó nhọc lắm mới tiến lên được một nấc thang đục sâu trong đá.

Bảng điều động thang máy cho biết có cả bảy bốn tầng,

kề luôn tầng trệt là tầng chỉ dùng làm lối ra vào. Ba nút bấm ở trên ghi rõ : ĐẠI SẢNH, CỬ XÁ CHUYÊN VIÊN, NHÂN VIÊN. Donald dẫn tôi lên tầng cử xá chuyên viên tức tầng phía trên đại sảnh. Y đưa tôi đi dọc theo một hành lang dài, hai bên có rất nhiều khung cửa. Cuối cùng y bỏ hành lý của tôi vào một phòng trong góc, và vẫn tắt bảo :

— Buồng tắm ở chính giữa hành lang.

Nói đoạn, y đi ra, khẩu tiêu liên mang lắc lư qua va trái. Tôi có thể nghe giọng của y không hề có một chút nhân tính. Nó tuôn ra cửa miệng y như ra khỏi một bộ máy vô tri giác.

Đồ đạc trong phòng tuy đẹp nhưng đơn sơ. Một chiếc giường rộng kê ở một đầu phòng, và đầu kia là một lò sưởi đốt bằng củi. Một cánh cửa dẫn vào một buồng vệ sinh chỉ có bồn rửa mặt và một cầu tiêu.

Quang cảnh nhìn qua các khung cửa sổ thật là ghê sợ, dù lúc trời đang tối dần. Mấy cửa sổ phía đông nhìn ra phía trên một bờ vực đầy những đá nhọn lởm chởm đến nỗi khó lòng đủ chỗ cho một bàn chân dài độ hơn hai tấc đặt lên. Các cửa sổ phía bắc nhìn thẳng ra bờ đá giốc đứng chạy xuống biển cách xa gần hai trăm thước về phía dưới. Tòa lâu đài đứng trên một mũi đất nhô ra biển. Tôi đoán ít nhất phải có hai hoặc có lẽ ba mặt của tòa nhà trông ra bờ đá. Tôi đã đoán đúng. Chúng tôi đã đi vào theo một mặt duy nhất được dùng làm lối vào. Và cũng chỉ có một con đường ra khỏi lâu đài Kinnoul.

Tôi bước ra khỏi thang máy và đi vào đại sảnh lúc hơn bảy giờ. Căn phòng làm tôi liên tưởng ngay đến phòng khánh tiết trong Whitehall (1) nơi Charles Đệ Nhất

(1) *Whitehall* : một hoàng cung thời xưa của nước Anh gần Westminster Abbey, còn gọi là *Whitehall Palace*.

(1) đã bị mất đầu bởi tên đao phủ lúc nhà vua vừa bước qua khỏi cửa. Nhưng nơi này rộng gấp rưỡi. Trần phòng cao, các ngọn đèn vách, những bức chân dung — đa số đều mặc loại vải sọc vuông của người Tô-cách-lan — ván lát tường màu đen, sàn nhà bằng gỗ không trải thảm mòn tới bóng loáng, và những khung cửa sô cao khiến tôi nghĩ đến thời Phục Hưng (2) toàn thịnh. Một ngọn lửa đang cháy đỏ rực trong một lò sưởi lớn ở khoảng giữa phòng.

Một chiếc bàn dài chạy suốt ba phần tư chiều dài của căn phòng, được sửa soạn làm bàn ăn cho độ chừng hai mươi lăm người. Mọi người đã đến đủ mặt trong đại sảnh, đang quây quần chung quanh một quầy rượu nhỏ ở mút phòng.

Anson bước ra khỏi đám đông và tiến tới chào đón tôi.

— Xin chào mừng Ông Dunbar đến đại sảnh của lâu đài Kinnoul. Ông hãy tới đây, để tôi giới thiệu ông với mấy bạn đồng nghiệp của tôi.

Bây giờ tôi không còn nhớ được tên của họ, nhưng những khuôn mặt của họ chắc sẽ ám ảnh tôi đến trọn đời. Có lẽ họ cũng như bất cứ một nhóm người bình thường nào trong bất cứ một buổi tiệc trà bình thường nào. Nhưng đó là một nhóm người đủ mọi quốc tịch. Tôi nhớ có hai người Tô-cách-lan, trên mười Người Anh, ba bốn người Hoa kỳ, ba người Trung-hoa, một người Pháp, và năm người Đức. Ngoài ra trong đám đông lại có một người

(1) Charles đệ Nhất (1600-1649) : Hoàng đế Anh quốc từ 1625, bị kết tội phản quốc và bị hành hình vào năm 1649.

(2) Renaissance : Cuộc cách mạng văn hóa, nghệ thuật và khoa học xảy ra ở Âu châu vào thế kỷ XV và XVI (c.t.c. d.g.)

Tiếp khắc, không phải là Matuschek. Câu chuyện họ đang nói với nhau đa số gồm những tiếng rất lạ tôi không sao hiểu nổi, và có cả những danh từ toán học.

Tôi bắt chuyện một cách vắn tắt với một người Anh trẻ tuổi. Lối ăn nói của anh ta có vẻ hạ lưu, chỉ được đổi thay một chút ít nhờ đã học qua ngành đại học.

Anh ta nói :

— Chắc ông thấy chúng tôi là một bọn người kỳ lạ.

— Đâu có kỳ lạ lắm. Tôi chỉ nghĩ rằng đây là một buổi tiệc trà như đa số ở những nơi khác. Cảnh tượng này khiến tôi liên tưởng đến những buổi tiệc trong trường đại học Oxford mà tôi đã có dịp đến dự một bữa cơm tối với một người bạn trong ngành giáo dục.

Anh ta bật cười :

— Vâng, đúng như thế, ngoại trừ một điều là chúng tôi gần gũi với nhau hơn. Ông định làm gì ở đây ?

Anson trở lại và ngắt lời trước khi tôi kịp đáp :

— Ông Dunbar đang định nhập hội với bọn mình. Bây giờ tôi phải đưa ông ấy đi ăn tối để thảo luận về việc này.

Chúng tôi ăn tối trong một căn phòng nhỏ ở cách đại sảnh một hành lang, đối diện với thang máy, ngồi ở một chiếc bàn con trái một tấm khăn không hề có một vết dơ và muống nửa đèn bằng bạc sáng bóng. Sau đó chúng tôi dời sang phòng làm việc của ông ta để uống cà phê và rượu — một căn phòng vĩ đại với một cái bàn viết thật rộng bằng gỗ đào hoa tâm kê ở một đầu phòng, mặt bàn trống trơn chỉ có một cây đèn bằng đồng xinh xắn, một bộ bút và một hộp điện thoại nội đàm. Một chiếc ghế xoay như một chiếc ngai vàng đặt phía sau bàn. Chúng tôi cùng ngồi trên hai cái trường kỷ ở đầu phòng đối diện, trước một

lò sưởi lớn, một loa phóng thanh Klipschorn ở trong một góc tường bên cạnh lò sưởi. Từ chiếc loa đang vang nhẹ một trong ba phiên khúc của Arriaga.

— Có phải chương trình thứ ba của đài BBC ?

Ông ta đáp :

— Không phải. Một anh chàng ghiền nhạc trong một đài phát thanh. Anh ta cứ thâu nhạc suốt ngày. Nếu ông không thích nghe, tôi sẽ tắt ngay.

— Không, tôi rất thích Arriaga.

— Vậy sao ? Về âm nhạc thì tôi mù tịt.

Người không có âm nhạc trong tâm hồn là những kẻ rất dễ phản bội, và hư hỏng, hình như tôi đã nghe cái ý đó trong đoạn cuối cùng của bài *Twelfth Night* (Đêm thứ mười hai). Anson đang hút một điếu xì gà Upmann. Tôi châm ống điếu trong lúc ông ta mở đầu câu chuyện :

— Bây giờ mình có thể tự nhiên bàn luận. Trước hết ông hãy nói thật vì sao ông tìm đến đây. Không, không — tôi muốn ông cho biết lý do thật sự. Ông muốn hợp tác với tôi là một chuyện hoàn toàn vô lý. Tôi đã lưu ý từ lâu rằng ông có ác cảm một cách kỳ lạ đối với tôi.

Tôi liền nói :

— Hóa tính của mình không giống nhau. Nhưng tôi đâu có cơ hội để nhận hay từ chối lời đề nghị của ông. Ngay sau hôm đó, ông đã rời tàu quá sớm.

— Ông nói lảng hay lắm. Vậy tôi xin trả lời giúp ông. Lẽ tất nhiên, ông đang đi tìm người em trai của ông. Ông vẫn chưa chịu nhìn nhận bản phúc trình cho hay ông ấy đã chết.

— Thà chết còn hay hơn.

— Ông vẫn cố tình hiểu sai ý tôi. Nhưng lẽ dĩ nhiên

ông nghĩ đúng. Ông ấy chưa chết và hiện ở đây.

— Trong lâu đài ?

— Phải. Và có lẽ ông cũng đang nóng lòng gặp Monique de Ménard, không phải chỉ vì muốn ra tay nghĩa hiệp.

Tôi bảo :

— Tôi biết cô ta hiện ở đây. Tôi cần gặp cả hai người đó.

— Rồi ông sẽ được gặp đủ. Nhưng đề ngày mai, sau khi ông viếng một vòng quanh đảo, rất trọng yếu cho việc huấn luyện ông về sau. Tôi khởi hành lúc bảy giờ. Như vậy đối với ông có quá sớm lắm hay không ?

— Tôi sẽ sẵn sàng chờ ông đúng bảy giờ.

— Tôi sẽ đến đón ông — hoặc Donald đến — đúng sáu giờ năm mươi lăm tại cửa phòng ông. Từ đây đến đó ông chỉ nên ở trong phòng.

Ông ta đứng dậy và mở cánh cửa ra phía hành lang. Nelson với khẩu súng còn đeo lưng lẳng trên vai, liền đưa tôi trở về phòng. Gian đại sảnh không còn một ai và bọn gia nhân đang dọn sạch chiếc bàn dài trong lúc chúng tôi băng qua.

Vừa mở cửa phòng cho tôi, Nelson vừa bảo :

— Tôi sẽ ở phía dưới thang máy.

Căn cứ vào nơi do y chỉ, tôi đã hiểu ngay vì sao y không cần khóa cửa phòng tôi sau khi đã đóng lại.